DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỀU KIỆN
CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
KHÓA 18/2018, NGÀY THI 22/12//2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/QĐ-TTCNTT-TT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỐ HIỆU PHÔI	SỐ CMND/ THẺ CCCD
						LT	TH			
1	cb18k18_001	Lê Thị Hoài	Giang	06/05/1983	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		194130157
2	cb18k18_002	Trần Thị Hương	Giang	09/02/1981	Quảng Bình	8,8	8,5	Đậu		194078076
3	cb18k18_003	Hoàng Thị Minh	Hà	02/03/1984	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu		194156019
4	cb18k18_004	Phạm Thị	Hà	15/05/1985	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		044185000135
5	cb18k18_005	Hồ Thị Thúy	Hằng	16/12/1973	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		044173000078
6	cb18k18_006	Lê Thị Mỹ	Hạnh	30/12/1971	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu		194086511
7	cb18k18_007	Dương Thị Thu	Hiền	24/11/1983	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194250088
8	cb18k18_008	Nguyễn Thị Thu	Hiền	07/10/1977	Quảng Bình	8,3	8,5	Đậu		194016336
9	cb18k18_009	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/11/1973	Quảng Bình	7,9	8,5	Đậu		194161620
10	cb18k18_010	Nguyễn Thanh	Hiếu	12/06/1988	Quảng Bình	9,2	9,0	Đậu		044088000213
11	cb18k18_011	Phan Thị Thanh	Hoa	08/10/1987	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		'194337241
12	cb18k18_012	Nguyễn Huy	Hoàng	02/10/1979	Quảng Bình	8,8	8,0	Đậu		194100769
13	cb18k18_014	Phạm Thị Mỹ	Huệ	20/10/1979	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		
14	cb18k18_015	Trần Lê Đăng	Hùng	15/03/1985	Quảng Bình	8,3	10	Đậu		194201060
15	cb18k18_016	Trương Thị Diệu	Hương	03/03/1988	Quảng Bình	8,3	9,0	Đậu		194372085
16	cb18k18_017	Nguyễn Xuân	Hữu	10/09/1971	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		194426582
17	cb18k18_018	Nguyễn Thị Minh	Huyền	06/02/1984	Quảng Bình	8,3	8,5	Đậu		044184000637
18	cb18k18_019	Lê Thị Diệu	Khánh	02/09/1979	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		194102434
19	cb18k18_020	Lê Thị Mỹ	Kiều	20/09/1994	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194531183
20	cb18k18_021	Hà Nhật	Lâm	26/05/1987	Quảng Bình	8,8	8,0	Đậu		044087002378
21	cb18k18_022	Trần Thị Hương	Lê	02/10/1981	Hà Tĩnh	8,8	9,0	Đậu		194639663
22	cb18k18_023	Nguyễn Thị Ngọc	Lưu	17/05/1983	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		194130418
23	cb18k18_024	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	28/08/1976	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu		194161619
24	cb18k18_025	Nguyễn Thị Phương	Nga	28/02/1981	Quảng Bình	8,3	8,5	Đậu		194151090
25	cb18k18_026	Hoàng Ái	Nhân	01/01/1976	Quảng Bình	8,8	9,0	Đậu		194044326
26	cb18k18_027	Dương Xuân	Phú	10/05/1990	Quảng Bình	8,3	9,0	Đậu		194400046
27	cb18k18_028	Phan Thanh	Phương	15/10/1978	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194058920
28	cb18k18_029	Cao Trường	Sơn	23/10/1974	Quảng Bình	9,2	9,0	Đậu		194378061
29	cb18k18_030	Hoàng Hữu	Thái	14/04/1964	Quảng Bình	9,2	9,0	Đậu		194090118
30	cb18k18_031	Nguyễn Văn	Thân	20/09/1967	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		194150384
31	cb18k18_032	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/09/1991	Quảng Bình	8,3	10	Đậu		194402202

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	SỔ HIỆU PHÔI	SỐ CMND/ THẺ CCCD
						LT	TH			
32	cb18k18_033	Nguyễn Thị Huyền	Thoại	25/10/1994	Quảng Bình	8,3	9,0	Đậu		194492388
33	cb18k18_034	Phan Thị Hoài	Thu	22/8/1977	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu		194058636
34	cb18k18_035	Trần Thị Mai	Thư	30/11/1992	Quảng Bình	8,3	9,5	Đậu		194502941
35	cb18k18_036	Đặng Thị	Thuần	10/02/1992	Quảng Bình	8,3	9,0	Đậu		044192001307
36	cb18k18_037	Phạm Thị	Trà	23/03/1976	Quảng Bình	8,8	8,5	Đậu		194378147
37	cb18k18_038	Hoàng Anh	Tuấn	15/06/1979	Quảng Bình	8,3	8,0	Đậu		194054988
38	cb18k18_039	Đinh Thị Minh	Tuyết	12/05/1985	Quảng Bình	7,9	9,0	Đậu		194284067
39	cb18k18_040	Trần Minh	Văn	28/05/1978	Quảng Bình	8,8	8,5	Đậu		194036666
40	cb18k18_041	Phan Nguyên	Việt	21/05/1997	Quảng Bình	9,2	9,5	Đậu		194557526
41	cb18k18_042	Phạm Anh	Vũ	06/03/1995	Quảng Bình	8,8	9,5	Đậu		194523229
42	cb18k18_043	Đinh Xuân	Vương	25/08/1986	Quảng Bình	7,9	8,0	Đậu		044086001006
43	cb18k18_044	Võ Thị Thanh	Xuân	01/09/1984	Quảng Bình	8,3	9,0	Đậu		194161478

(Ấn định danh sách này gồm 43 thí sinh)